TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 19 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng huê, hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thái Thị Kim Vân.

2. Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Như Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng huê, hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà La Thị D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, Ninh Thuận (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Lan B, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Khu phố K 1, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Hoặc bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền chứng thực số 143, quyển số 01/2025-SCT/CK, CĐ ngày 24/02/2025 tại Văn phòng công chứng Thanh Hằng, tỉnh Ninh Thuận).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu phố X, phường V, thành phố P, Ninh Thuận (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường V, thành phố P, Ninh Thuận (theo Giấy ủy quyền chứng thực số 251, quyển số 01-SCT/CK, CĐ ngày 02/5/2024 tại Văn phòng công chứng Thanh Hằng, tỉnh Ninh Thuận) (có mặt khi xét xử, vắng mặt không có lý do khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2024, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2019, bà La Thị D và bà Nguyễn Thị T có mối quan hệ bạn bè, làm ăn buôn bán lúa gạo với nhau, trong khoảng thời gian này thì bà D và bà T có chơi các phần huê, hụi với nhau.

Các dây huê bà D chơi của bà T như sau:

Huê 5.000.000 đồng, xựng huê vào ngày 20/5/2022 (âm lịch), gồm 21 phần, bà D chơi 02 phần và đã hốt 01 phần, tính đến ngày 20/10/2023 (âm lịch) số tiền bà D đã góp tiền huê cho bà T là 55.700.000 đồng.

Huê 2.000.000 đồng, xựng ngày 5/5/2022 (âm lịch), gồm 23 phần, bà D chơi 02 phần, đã hốt 01 phần, tính đến ngày 5/10/2023 (âm lịch) bà D đã góp tiền huê cho bà T là 20.510.000 đồng.

Huê 500.000 đồng, xựng ngày 20/8/2022 (âm lịch), gồm 26 phần, bà D chơi 02 phần, tính đến ngày 20/10/2023 (âm lịch) bà D đã góp tiền huê cho bà T là 10.750.000 đồng.

Huê 1.000.000 đồng, xựng ngày 10/01/2023 (âm lịch), bà D chơi 02 phần, tính đến ngày 10/10/2023 (âm lịch) bà D đã góp tiền huê cho bà T là 15.060.000 đồng.

Ngoài ra còn 01 dây huê 2.000.000 đồng bà D đã hốt nhưng bà T chưa giao (chồng tiền) tiền hốt huê cho bà D là 50.000.000 đồng.

bà D còn chơi dùm huê cho bà T như sau:

Dây huê 10.000.000 đồng, xựng ngày 30/3/2023, mãn huê vào ngày 30/8/2024, gồm 18 phần, bà T chơi 02 phần đã hốt 02 phần huê, bà T còn thiếu tiền góp huê là 240.000.000 đồng.

Dây huê 10.000.000 đồng, xựng ngày 30/8/2023, mãn huê vào ngày 30/9/2026, gồm 38 phần, bà T đã hốt huê, bà T còn thiếu tiền góp huê là 360.000.000 đồng.

Và bà T còn đóng (góp) thiếu tiền huê chơi dùm là 20.000.000 đồng.

Đến khoảng tháng 10/2023 (âm lịch) bà T gặp nhiều khó khăn về kinh tế và

không còn tiếp tục tổ chức các dây huê nữa thì bà D và bà T có thống nhất xác định số tiền bà T còn thiếu bà D tiền huê mà bà D chơi của bà T như sau:

Nợ tiền huê 70.000.000 đồng, cụ thể: Tại tờ giấy lịch treo tường bà T ghi nội dung "Tuyết thiếu chị Dung tiền huê 50.000.000 đồng; huê chơi trả mười triệu còn 10.000.000 mười triệu 10/9; huê chơi 30/9 10.000.000 mười triệu…tổng cộng 70.000.000…".

Nợ tiền huê 51.010.000 đồng và 600.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 4/12/2023 (âm lịch), tại tờ giấy ô ly bà T đã ghi nội dung: "huê 5 triệu tổng 55.700; huê 1 triệu 15.060; huê 2 triệu 20.510; huê 500 - 10.750, tổng 102.020. Trả lại chị khi nào bán được tài sản thì em sẽ trả hết cho chị 51.010"; "Huê chơi dùm còn 360.000, còn 240.000…" "tiền huê sáu trăm triệu đồng bắt đầu tháng 2/2024/ âm lịch cuối tháng 2 mỗi tháng đóng 5 triệu".

Như vậy, tổng số tiền huê bà T còn thiếu của bà D là 70.000.000 đồng + 51.010.000 đồng + 600.000.000 đồng = 721.010.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2024 bà La Thị D yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà La Thị D số tiền 772.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn trình bày, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc bà T phải trả cho bà D số tiền huê còn nợ là 721.000.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Đối với việc bà D chơi dùm huê cho Toàn đối với các dây huê do bà T làm cái do không có tranh chấp, người tên Toàn không liên quan đến việc tham gia các dây huê giữa bà D và bà T nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, cũng như không yêu cầu đưa người tên Toàn hay ai khác vào tham gia tố tụng. Vì quan hệ chơi huê chỉ liên quan giữa bà D và bà T, ngoài ra không có liên quan đến ai khác.

Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Khoảng từ năm 2020 thì bà Nguyễn Thị T có tổ chức dây huê cho mọi người hàng xóm, những người làm ăn chung tham gia trong đó có bà La Thị D, bà D chơi khoảng 02, 03 dây huê. Quá trình chơi huê bà T chồng tiền huê đầy đủ cho bà D, cho đến tháng 10/2023 thì một số người đồn bà T bể huê nên dẫn tới việc bà T thu tiền huê gặp khó khăn, rồi ngừng không tiếp tục chơi các dây huê nữa. Thời điểm dừng các huê bà T không còn thiếu khoản tiền huê nào đối với bà D. Sau khi bà D báo nhận lại số tiền huê đã chơi của các dây huê không tiếp tục chơi nữa thì hai bên thỏa thuận nếu lấy 1 lần thì nhận lại 30% số tiền đã đóng, bà D không đồng ý. Cuối tháng 11 (âm lịch năm 2023) hai bên thống nhất chốt số tiền huê bà T còn nợ lại bà D là khoảng dưới 70.000.000 đồng.

Đối với các tài liệu, chứng cứ bà D nộp cho Tòa án là: 01 tờ giấy lịch (treo tường) viết mặt sau của tờ lịch thể hiện nội dung: "Tuyết thiếu chị Dung tiền huê...tổng cộng 70.000.000" ghi ngày 30/9; 01 giấy vở ô ly ghi nội dung: "nhằm ngày mùng

4/12/2023 Â lịch huê 5 triệu...trả lại chị 51.010"; "huê chơi dùm... tiền huê sáu trăm triệu đồng. Bắt đầu tháng 02/2024/Âm lịch cuối tháng 2 mỗi tháng đóng 5 triệu". Các giấy này có nội dung không đúng, không rõ ràng, chữ ký chữ viết trên là của bà T nhưng không phải là giấy nhận nợ cho bà La Thị D.

Bị đơn bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D về việc buộc bà T phải trả số tiền huê là 721.000.000 đồng, bà T chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền huê còn thiếu là 70.000.000 đồng và một số các khoản tiền khác tổng cộng là 400.000.000 đồng. Lý do, đối với số tiền 600.000.000 đồng đây không phải là tiền huê mà là tiền mượn trả lãi hàng tháng và gốc từ lâu, nên giờ chỉ đồng ý trả số tiền này cho bà D là 400.000.000 đồng. Việc bà T tổ chức các dây huê, đóng (góp) và thu tiền huê với bà D là do một mình cá nhân bà T thực hiện không liên quan đến ai khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS), xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà La Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả tiền nợ huê, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng huê, hụi" theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xác định yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, số tiền nguyên đơn buộc bị đơn phải trả có giảm so với yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc bà T phải trả cho bà D số tiền huê còn nợ là 721.000.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm

vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi căn cứ theo quy định tại Điều 244 của BLTTDS.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ huê là 70.000.000 đồng, thấy rằng: Theo trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều xác nhận: Có việc chơi huê giữa bà D và bà T, do bà T gặp khó khăn về kinh tế nên bà T đã viết giấy xác nhận số tiền huê nợ bà D là 70.000.000 đồng (ngày 30/9 âm lịch). Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định bà T còn nợ bà D số tiền huê là 70.000.000 đồng. Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận nội dung nêu trên nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ huê là 51.010.000 đồng và 600.000.000, thấy rằng:

[2.2.1] Theo nguyên đơn trình bày: Khoảng cuối năm 2023, do bà T không tiếp tục tổ chức các dây huê và không chồng tiền huê đã hốt cho bà D nên bà D đã nhiều lần yêu cầu bà T phải trả nợ huê. Ngày 4/12/2023 (âm lịch) bà T đã viết giấy xác nhận số tiền các dây huê còn nợ của bà D là 51.010.000 đồng, cam kết sẽ trả cho bà D khi nào bán được tài sản; và xác nhận nợ tiền huê chơi dùm là 600.000.000 đồng, cam kết bắt đầu từ tháng 2/2024/ âm lịch cuối tháng 2 mỗi tháng đóng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ cuối tháng 2/2024 cho đến nay bà T chưa trả cho bà D khoản tiền huê nào.

[2.2.2] Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Không đồng ý trả cho nguyên đơn tổng số tiền 651.010.000 đồng vì cho rằng bà D chỉ chơi huê do bà T làm cái huê khoảng 3 dây huê nên không có việc bà T nợ bà D số tiền huê lớn như vậy và không có việc bà T nhờ bà D chơi huê dùm. Số tiền 600.000.000 đồng không phải là tiền chơi huê mà là tiền bà T đã mượn của bà D và trả lãi hàng tháng, gốc từ lâu, nên giờ chỉ đồng ý trả số tiền này cho bà D là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc vay mượn và trả gốc, lãi nêu trên. Đối với các tài liệu, chứng cứ bà D nộp cho Tòa án là: 01 giấy vở ô ly ghi nội dung: "nhằm ngày mùng 4/12/2023 Â lịch huê 5 triệu...trả lại chị 51.010"; "huê chơi dùm... tiền huê sáu trăm triệu đồng. Bắt đầu tháng 02/2024/Âm lịch cuối tháng 2 mỗi tháng đóng 5 triệu". Thì các giấy này có nội dung không đúng, không rõ ràng, chữ ký chữ viết trên là của bà T nhưng không phải là giấy nhận nợ cho bà La Thị D.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đối với số tiền 651.010.000 đồng mà nguyên đơn buộc bị đơn phải trả (đối với tiền nợ huê và huê chơi dùm) thì phía bị đơn cũng không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm thì đề nghị chia đôi, mỗi bên phải có nghĩa vụ chịu 1/2.

[2.2.3] Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã thu thập các tài liệu chứng cứ và ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 13/2024/QĐ-TCGĐ ngày 08/10/2024 đối với: chữ viết tại mặt sau tờ giấy lịch (bản gốc), (bút lục số 45); chữ viết, chữ ký tại tờ giấy vở ô ly, loại vở TT BOOK (bản gốc), (bút lục số 46).

Tại Kết luận giám định số 263/KL-KTHS ngày 02/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Thuận, kết luận:

1. Mẫu cần giám định:

- 01 (một) tờ giấy lịch ngày 15/11/2023 (ký hiệu A1);

- 01 (một) tờ giấy vở ô ly, đề ngày 14/1/2024 (ký hiệu A2).

2. Mẫu so sánh, tài liệu có liên quan hoặc gửi kèm theo (nếu có) :

- 01 (một) Bản khai của bà La Thị D ngày 02/5/2024 (ký hiệu M1).

- 01 (một) Giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thanh H tại Văn phòng công chứng Thanh Hằng, tỉnh Ninh Thuận ngày 02/5/2024 (ký hiệu M2);

- 01 (một) Bản tự khai/bản tường trình của bà Nguyễn Thị T ngày 20/01/2024 (ký hiệu M3);

- 01 (một) Biên bản ghi lời khai ngày 20/01/2024 tại Công an phường Văn Hải (ký hiệu M4);

- 01 (một) Biên bản vụ việc tập trung đông người gây mất ANTT liên quan đến huê hụi ngày 20/01/2024 (ký hiệu M5);

Kết luận giám định:

1. Chữ viết có nội dung: "Tính ngày 1/10/23 Â lịch Lên nhà Tuyết (gặp điện thoại) ngày 18/11/23 Âm lịch Tuyết hẹn 10 ngày nữa là: 28/11/2023" tại dòng thứ 6,7, 8 trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu Al; chữ viết có nội dung: "Ngày 14/1/2024 (Nhằm ngày mùng 4/12/2023 A lịch)" tại dòng thứ 1, 2 và có nội dung: "Năm mươi mốt triệu không trăm năm mươi ngàn đồng)" tại dòng thứ 11 trên tài liệu mẫu cần giảm định ký hiệu A2 so với **chữ viết của bà La Thị D trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra**.

2. Chữ viết từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 5 trên mặt sau của tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1; chữ viết từ dòng thứ 3 đến dòng thứ 10, từ dòng thứ 12 đến dòng thứ 18 trên mặt sau của tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với **chữ viết của bà Nguyễn Thị T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra**.

3. Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị T trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với **chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra**.

[2.2.4] Tại "Biên bản vụ việc" ngày 20/01/2024 của Công an phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm về việc Tập trung đông người gây mất ANTT liên quan đến huê hụi, tại mục số thứ tự 36 có nội dung: "*La Thị D; SN 1967; HKTT: Khánh Sơn 2, Khánh Hải, Ninh Hải*

- Dây huê 1 (5.000.000đ): tổng 21 phần/1 dây, sổ ngày 20/5/2022 ÂL, mãn huê ngày 20/02/2024, đã đóng 19 phần số tiền 65.700.000đ.

- Dây huê 2 (2.000.000đ): tổng 26 phần/1 dây, hốt huê ngày 25/9/2023 ÂL, số tiền 50.000.000đ. Tuy nhiên chưa nhận tiền.

- Dây huê 3 (2.000.000đ): tổng 23 phần/1 dây, sổ ngày 5/5/2022, đã đóng 19 phần số tiền 28.500.000đ.

- Dây huê 4 (1.000.000đ): 2 dây, sổ ngày 10/01/2023 ÂL, đã đóng 10 phần/2 dây số tiền 16.840.000đ.

- Dây huê 5 (500.000đ): 2 dây, sổ ngày 20/8/2022 ÂL, đã đóng 16 phần/ 2 dây số tiền 11.410.000đ.

- Bà Nguyễn Thị T (chủ huê) nợ 600.000.000đ từ tháng 30/03/2023 ÂL, (chốt nợ tháng 10/2023 ÂL)."

Bà T đã đọc lại nội dung, ký và ghi rõ họ tên vào biên bản nêu trên. Ngoài ra, Công an phường Văn Hải còn cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy vở ô ly (bản pho tô, bút lục 112) (loại giấy vở điểm 10) do bà T giao nộp cho Công an phường có nội dung "*…Đồng ý lấy lại 1/2 số tiền là 51.010.000 đ Năm mươi mốt triệu không trăm mười ngàn đồng (Dung); ...Huê chơi dùm tính tổng cộng còn thiếu lại 600.000.000 (sáu trăm triệu đồng) Dung; Huê chơi dùm bắt đầu tháng 2/2024 Â lịch cuối tháng 2 (mỗi tháng đóng 5 triệu; Đồng ý khi nào Tuyết bán được tsản thì Tuyết thanh toán số tiền là 51.010.000 Dung*".

[2.2.5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Có cơ sở buộc bà T phải trả cho bà D số tiền đóng (góp) huê và nợ huê là 651.010.000 đồng.

[3] Đối với việc chơi huê dùm giữa bà D và người tên Toàn theo như trình bày của nguyên đơn do không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên, phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Chi phí giám định 6.480.000 đồng. bà D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định là 6.480.000 đồng và đã nộp đủ.

[6]. Về án phí: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 1/2 tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 227, 228, 244, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 357; 468; 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà La Thị D.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ phải trả cho bà La Thị D số tiền huê, hụi còn nợ là 721.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà La Thị D tự nguyện chịu 6.480.000 đồng (sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) chi phí giám định và đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 32.840.000 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân dự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà La Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.440.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002541 ngày 10/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/5/2025)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệu